

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa Xuyên Á - Đức Hòa, quy mô 200 giường” đã được chỉnh sửa, bổ sung và giải trình gửi kèm Văn bản số 261/2022/CV-BVXA ngày 26/7/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á; địa chỉ tại số 459 đường TL 825, Ô4, Khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa Xuyên Á - Đức Hòa, quy mô 200 giường”, địa điểm tại số 459 đường TL 825, Ô4, Khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện đa khoa Xuyên Á - Đức Hòa, quy mô 200 giường.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 459 đường TL 825, Ô4, Khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0310092314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 28/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 18/12/2019.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0674614260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An chứng nhận lần đầu ngày 22/8/2018.

- Giấy phép hoạt động số 309/BYT-GPHĐ ngày 02/7/2021 của Bộ Y tế về việc cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

1.4. Mã số thuế: 0310092314-003.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành).

- Tổng diện tích đất của dự án đầu tư: 63.358 m².

- Quy mô theo Luật Đầu tư công: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô hoạt động khám, chữa bệnh: 200 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/8/2032).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa;
- Chủ dự án đầu tư;
- Lưu: VT, QLMT, Lượng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / GPMT- STNMT ngày /8/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau bể tự hoại 1 có tọa độ vị trí X=1206142 và Y=0651253.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau bể tự hoại 2 có tọa độ vị trí X=1206080 và Y=0651256.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau bể tự hoại 3 có tọa độ vị trí X=1206099 và Y=0651323.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau bể tự hoại 4 có tọa độ vị trí X=1206148 và Y=0651324.
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau bể tự hoại 5 có tọa độ vị trí X=1206204 và Y=0651352.
- Nguồn số 6: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh có tọa độ vị trí X=1206145 và Y=0651248.
- Nguồn số 7: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh có tọa độ vị trí X=1206078 và Y=0651255.
- Nguồn số 8: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh có tọa độ vị trí X=1206200 và Y=0651347.
- Nguồn số 9: Nước thải phát sinh từ khu vực căn tin của Bệnh viện có tọa độ vị trí X=1206197 và Y=0651277.
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ nhà máy giặt của Bệnh viện có tọa độ vị trí X=1206190 và Y=0651268.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)

Các nguồn phát sinh nước thải của dự án Bệnh viện đa khoa Xuyên Á - Đức Hòa tại số 459 đường TL 825, Ô4, Khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống đường ống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Cầu Duyên tại khu A, thị trấn hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga cuối cùng ngoài tường rào Bệnh viện trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Cầu Duyên tại khu A, thị trấn hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa,

tỉnh Long An.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1206150 và Y=0651184 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 480 m³/ngày.đêm (tương đương 20 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau HTXL nước thải của Bệnh viện được xả ngầm ra hố ga cuối cùng ngoài tường rào Bệnh viện (tọa độ: X=1206150 và Y=0651184 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰) trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống (nhựa PVC Ø220mm) thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Cầu Duyên tại khu A, thị trấn hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (cách dự án khoảng 300m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; tuy nhiên khuyến khích Công ty thực hiện với tần suất 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 6 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	36	
3	COD	mg/L	60	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	12	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2	
12	Tổng coliforms	MPN/100mL	3.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 mL	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100 mL	KPH	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 mL	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại Bệnh viện đã xây dựng hoàn chỉnh; nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu bằng ống nhựa PVC Ø90-114mm đặt sát vách tường và được dẫn xuống hệ thống thu gom nước mưa bằng ống bê tông cốt thép chịu lực đường kính Ø400mm được lắp đặt bao quanh các hạng mục công trình và lắp ngầm dưới lòng đất; hệ thống thu gom nước mưa cục bộ dẫn nước mưa về hệ thống đường ống (nhựa PVC Ø220mm) thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Cầu Duyên thông qua 02 hố ga đầu nối ngoài tường rào Bệnh viện với tọa độ (vị trí 1 có tọa độ X=1206198 và Y=0651344; vị trí 2 có tọa độ X=1206143 và Y=0651322 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰).

- Bệnh viện được Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An đồng ý chấp thuận cho đầu nối thoát nước mưa phát sinh của Bệnh viện vào đường TL 825 tại 02 vị trí (Km19+280 và Km19+323 bên trái tuyến) theo Văn bản số 3755/SGTVT-QLCTHT ngày 11/8/2020.

1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:

a) Mạng lưới thu gom nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải từ hoạt động tắm rửa, thoát sàn ở các tầng đi riêng bằng ống PVC Ø114mm và đặt siphon để ngăn mùi hôi trước khi xả qua ống đứng xuống hố ga thoát ra cống thoát chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng ống PVC Ø220mm; tổng chiều dài đường ống dẫn nước thải về HTXL nước thải khoảng 1.100m.

+ Nước thải từ hoạt động giải phẫu, rửa thiết bị y tế được thu gom bằng ống Ø114mm dẫn về HTXL nước thải tập trung bằng ống PVC Ø220mm; tổng chiều dài đường ống dẫn nước thải về HTXL nước thải khoảng 700m.

+ Nước thải từ nhà xí, tiểu tiện ở các tầng qua ống nhựa đứng Ø114mm xuống các bể tự hoại và tự chảy về hố ga thoát nước dẫn về HTXL nước thải tập trung bằng ống Ø220mm; tổng chiều dài đường ống dẫn nước thải về HTXL khoảng 1.100m.

+ Nước thải từ nhà giặt được thu gom bằng ống PVC Ø140mm dẫn về HTXL nước thải tập trung bằng ống PVC Ø220mm; chiều dài đường ống dẫn nước thải từ nhà giặt về HTXL nước thải khoảng 120m.

+ Nước thải từ nhà ăn Bệnh viện theo đường ống PVC Ø168mm chảy về bể tách dầu của HTXL nước thải tập trung bằng ống PVC Ø220mm; chiều dài đường ống thu gom nước thải từ nhà ăn về HTXL nước thải khoảng 300m.

- Tất cả nước thải phát sinh tại Bệnh viện được thu gom và dẫn về HTXL nước thải có công suất thiết kế 500 m³/ngày.đêm; nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế

(QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số $K=1,2$) trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống (nhựa PVC Ø220mm) thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là kênh Cầu Duyên tại khu A, thị trấn hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (cách dự án khoảng 300m).

- Bệnh viện được Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An đồng ý chấp thuận cho đầu nối thoát nước thải phát sinh của Bệnh viện vào đường TL 825 tại 01 vị trí Km19+286 bên trái tuyến theo Văn bản số 82/SGTVT-QLCTHT ngày 10/01/2022.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải Bệnh viện (Nước thải nhà bếp → Bể tách dầu → Tách rác thô + Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại + Nước thải phòng xét nghiệm) → Bể thu gom → Tách rác tinh → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lọc sinh học bằng màng (MBR) → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận (hệ thống đường ống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra kênh Cầu Duyên).

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaHCO₃, PAC và NaOCl.

- Thông số kỹ thuật của các công trình HTXL nước thải:

Stt	Công trình	Thông số kỹ thuật (Dài x Rộng x Cao)
1	Bể tách dầu	6,4 x 2,5 x 4,5 m
2	Bể thu gom	4,45 x 2,5 x 4,5 m
3	Bể sinh học thiếu khí (Anoxic)	7,4 x 7,4 x 4,5 m
4	Bể sinh học hiếu khí (Aerotank)	11,9 x 11,5 x 4,5 m
5	Bể lọc sinh học bằng màng (MBR)	3,8 x 3,35 x 4,5 m
6	Bể chứa bùn	3,35 x 3,3 x 4,5 m

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Các bể xử lý nước thải được thiết kế với thể tích lớn, trường hợp HTXL nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố. Trường hợp khẩn cấp, Bệnh viện sẽ đầu tư các bồn chứa nước thải thể tích 20m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải phát sinh chưa xử lý, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường; đồng thời, hạn chế các hoạt động không cần thiết làm phát sinh nước thải trong quá trình khắc phục sự cố từ HTXL nước thải.

- Thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL nước thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau HTXL nước thải mới tiến

hành đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 08/2022 đến tháng 01/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: Vị trí tại bể thu gom trước HTXL nước thải của Bệnh viện (tọa độ: X=1206180 và Y=0651087 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°) và vị trí sau HTXL nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra kênh Cầu Duyên (hố ga cuối ngoài tường rào Bệnh viện có tọa độ X=1206150 và Y=0651184 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (HTXL nước thải) của dự án đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư; bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường TL 825 rồi chảy ra kênh Cầu Duyên.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của chủ dự án đầu tư.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / GPMT- STNMT ngày /8/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy móc thiết bị vận hành HTXL nước thải.
- Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 3: Máy giặt tại khu vực nhà giặt của Bệnh viện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1 có tọa độ: X=1206180, Y=0651087.
- Nguồn số 2 có tọa độ: X=1206200, Y=0651339.
- Nguồn số 3 có tọa độ: X=1206190, Y=0651268.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Bệnh viện)

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Bệnh viện)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng nội quy Bệnh viện đối với người nhà bệnh nhân và nội quy cho nhân viên bệnh viện;

- Bệnh viện sẽ kết hợp với chính quyền địa phương nghiêm cấm mọi hình thức tụ tập, buôn bán trước cổng Bệnh viện;
- Các phương tiện giao thông phục vụ Bệnh viện (xe cấp cứu, xe chuyên chở vật tư y tế,...) luôn đảm bảo đạt các tiêu chuẩn y tế trong quá trình lưu thông;
- Các phương tiện vận chuyển vật tư y tế, được phẩm phục vụ cho bệnh viện chỉ được phép lưu thông trong khuôn viên Bệnh viện theo tuyến đường nội bộ quy định vào các thời điểm quy định trong tuần;
- Máy móc thiết bị phục vụ giặt tẩy được bố trí tại phòng riêng, cách ly với khu vực khám chữa bệnh;
- Máy phát điện được đặt trong phòng xây dựng cách âm gồm 1 lớp tường gạch dày 20cm, đồng thời được bảo dưỡng, kiểm tra định kì. Khu vực đặt máy phát điện được xây dựng cách ly với khu khám, điều trị bệnh.
- HTXL nước thải được xây dựng ở khu phụ trợ cuối Bệnh viện, cách xa khu vực khám chữa bệnh, điều trị của bệnh nhân, đảm bảo việc vận hành HTXL nước thải không làm ảnh hưởng đến bệnh nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / GPMT- STNMT ngày /8/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	Rắn/lỏng	13 01 01	56.900
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	3.240
3	Dược phẩm gây độc tế bào	Rắn/lỏng	13 01 03	1.250
4	Chất hàn răng amalgam thải	Rắn	13 01 04	1.180
5	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế, huyết áp kế,...)	Rắn	13 03 02	3.430
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	330
7	Các loại dầu mỡ thải	Rắn	16 01 08	130
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	160
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	200
10	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	385
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	1.880
12	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 10	90
13	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	450
14	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	380
15	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	75
16	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	Lỏng	19 01 01	170
Tổng khối lượng CTNH				70.250

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện với khối lượng ước tính khoảng 17 tấn/năm, bao gồm: Bao bì nhựa carton, chai nhựa nước biển, chai nước suối, bình nhựa,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của bệnh nhân, công nhân viên Bệnh viện phát sinh với khối lượng ước tính khoảng 100 kg/ngày; chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn nguy hại được phân loại tại nguồn, lưu chứa trong thùng nhựa PVC màu đen và có dán mã số phân loại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 22 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có kết cấu tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải y tế lây nhiễm được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và lưu chứa trong thùng nhựa PVC màu vàng.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 21 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm có kết cấu tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm, bên trong có gắn điều hoà, có dán mã số phân loại và có thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại ngay tại phòng bệnh và thu gom vào thùng chứa màu trắng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 21 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ có tường bằng gạch, nền bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại phòng bệnh và thu gom vào thùng rác màu xanh ở các tầng trong Bệnh viện.

2.4.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 21m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bằng gạch, nền bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXL nước thải: Tính toán, thiết kế HTXL nước thải với công suất lớn, đảm bảo lượng nước thải của Bệnh viện không bị quá tải vào những ngày cao điểm; trường hợp khẩn cấp, bệnh viện sẽ đầu tư các bồn chứa thể tích 20m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải phát sinh, cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau HTXL nước thải mới tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực; máy móc, thiết bị của HTXL nước thải được kiểm tra định kỳ hằng ngày, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất có thể; có nhân viên vận hành HTXL nước thải, kiểm tra ghi chép nhật ký vận hành hệ thống hằng ngày.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất hóa chất theo TCVN 5507:2002 và Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 28/12/2017 về hướng dẫn Luật hóa chất. Quá trình sử dụng, lưu trữ được phẩm, hoá chất tại bệnh viện tuyệt đối tuân thủ Luật hoá chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với công trình thủy lợi: Bệnh viện cam kết nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A trước khi thoát vào đường ống thoát nước chung chảy ra kênh Cầu Duyên. Trường hợp, hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ ở các bể, tuyệt đối không để nước thải thoát ra môi trường ngoài. Đối với đoạn thoát nước trên đường Tỉnh lộ 825 thuộc quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh, bệnh viện sẽ định kỳ nạo vét, thông cống tránh làm tắt nghẽn.

- Biện pháp phòng chống cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của bệnh viện, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / GPMT- STNMT ngày /8/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12), báo cáo gửi về trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo./.